

Toán

**Ôn tập về phép cộng và phép trừ
(Dạy 3 tiết)**

A. Mục tiêu: Củng cố cho học sinh về phép cộng, phép trừ.
HS hiểu và làm được bài tập.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính?

Nêu cách tìm thành phần chưa biết? (Số hạng, số bị trừ, số trừ)

- (- Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.)

b. HS làm bài tập

Bài 1: Tính nhanh:

a, $26 + 17 + 23 + 14$

b, $46 + 82 + 18 + 54$

c, $37 - 5 + 37 - 7$

- GV khái quát

Bài 2: Tìm x

a, $x + 36 = 72$

b, $x - 45 = 37$

c, $x + 32 = 18 + 45$

d, $76 - x = 28$

- GV yêu cầu HS nêu thành phần chưa biết trong phép tính là gì? nêu cách tìm?

Bài 3: Điền dấu $> < =$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $25 + 36 \dots 17 + 48$

b, $74 - 36 \dots 83 - 37$

c, $56 - 19 \dots 18 + 19$

Bài 4: (Dành cho HSKG)

Tìm một số biết số đó cộng với 45 thì bằng 62

Tiết 2

Bài 5: Điền dấu $> < =$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $x + 32 \dots 41 + x$

b, $56 - y \dots 45 - y$

c, $x - 26 \dots x - 21$

Bài 6: (Dành cho HSKG)

Tìm một số biết số đó trừ đi 26 thì bằng 38

Bài 7: Đúng ghi Đ sai ghi S

$25 + 48 = 73$

- HS nêu cách làm.
- 2 HS trả lời miệng.
- Lớp nhận xét.

- HS nêu thành phần chưa biết trong phép tính.

- HS làm ra nháp.

- HS làm vào vở.

- GV hướng dẫn HS đưa về dạng tìm thành phần chưa biết.

- HS lên bảng.

$76 - 29 = 57 \quad \square$

$57 - 28 = 29 \quad \square$

- GV hướng dẫn HS đưa về dạng tìm thành phần chưa biết.

Tiết 3

Bài 8: Điền số thích hợp vào ô trống:

$a/ \square + 35 = 89 \quad 40 + \square = 89 \quad 86 = \square + 0$

$b/ 45 - \square = 28 \quad 100 - \square = 39 \quad \square - \square = 72$

- Yêu cầu HS làm bài ra nháp rồi lên bảng:

Bài 9: Tìm x

$a/ x - 21 = 33 - 21$

$b/ 78 - x = 42 + 24$

$c/ x + 25 = 100 - 25$

$d/ 89 - x = 28$

- Yêu cầu HS làm bài theo nhóm rồi đại diện lên bảng:

Bài 10:

- Yêu cầu HS làm vào vở. Viết thêm 2 số vào dãy số sau: a/ 9; 12 ; 15; 18; b/ 4; 8 ; 16; c/ 100; 200 ; 300; 400; d/ 110; 120 ; 130; 140;	HS làm vào vở., 21, 24., 32, 64., 500, 600., 150, 160.
---	--

III. Củng cố: Khái quát nội dung bài

IV- Dặn dò: Về nhà làm BT 11 (Phần C, D dành cho HSKG)

Tìm x :

$A, x + 12 = 46$

$C, x + 26 = 12 + 17$

$B, 42 + x = 87$

$D, 34 + x = 86 - 21$

Tiếng Việt

Tiết 1: Luyện chính tả

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho HS cách viết một bài thơ

HS điền BT đúng BT chính tả.

Rèn chữ viết cho HS

B. **Các hoạt động dạy học**

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ

II. Bài mới:

a.Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách viết một bài thơ? (Câu đầu dòng viết hoa)

GV hướng dẫn HS viết.

b.HS làm bài tập

Bài 1: Học sinh viết bài: Ngày hôm qua đâu rồi.

-GV đọc cho HS theo dõi

+ Em cần làm gì để không phí thời gian?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: (HS làm bài vào vở)

Em hãy chọn chữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống :

- | | | |
|------------------|-----------------|---------------|
| - (sông, xông) | -Hồng | -xáo |
| - (sa, xa) | - sút | - đường |
| - (sương, xương) | - cây..... rộng | - Sớm |

III.**Củng cố:** Nhận xét giờ.

IV.**Dặn dò:** Về nhà luyện viết.

Tiếng Việt

Tiết 2: Ôn từ chỉ hoạt động, trạng thái

A. Mục tiêu:- Củng cố cho HS về từ chỉ hoạt động, trạng thái.

- HS tìm được từ chỉ hoạt động và đặt câu với những từ chỉ hoạt động, trạng thái.
- Rèn chữ viết cho HS.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a.Kiến thức cần ghi nhớ

+ Hãy kể những từ chỉ hoạt động?

+ Kể những từ chỉ trạng thái?

Bài 1 -Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu.

- Gọi từng HS lên bảng tìm từ.

Gạch dưới từ chỉ hoạt động trong đoạn văn sau:

Con ong xanh biếc to bằng quả ớt nhỏ **lướt** nhanh những cặp chân dài và mảnh trên nền đất. Nó **dừng** lại **ngước** đầu lên mình **nhún nhảy** rung rinh **giơ** hai chân trước **vuốt** râu rồi lại **bay** lên **đâu** xuống thoăn thoắt **rà khắp** mảnh vườn. Nó **đi dọc đi ngang sục sạo tìm kiếm**.

Bài 2 Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm.

- a. **Chú mèo mướp đang** vờn chuột ngoài sân.
- b. Chúng em **cấp sách tới trường**.
- c. **Đám học trò** hoảng sợ bỏ chạy.

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu.

- HS trả lời miệng.

Bài 3 Gạch một gạch dưới bộ phận câu TLCH Ai?(con gì?) hai gạch dưới bộ phận TLCH làm gì?

- Trên cành cây, mấy chú chim đang trò chuyện ríu rít.
- Mấy chú cá rô cứ lội quanh quần dưới giàn mướp.
- Hai dì cháu tôi đi hái rau khúc.

- Yêu cầu HS nêu yêu cầu.

- HS làm bài vào vở.

III. **Củng cố:** Khái quát- nhận xét giờ.

IV- **Dặn dò:** Về nhà đặt 3 câu có từ chỉ hoạt động, trạng thái.

Tiếng Việt

Tiết 3: Tập làm văn: Kể về người thân

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh về cách kể về người thân.

HS hiểu và làm được bài tập.

B. Bài mới:

I. **Kiểm tra:** Hãy kể tên những người thân trong gia đình em.

II. **Bài mới:**

- Giới thiệu – ghi bài
- Dạy bài mới

Đề bài: **Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về ông, bà (hoặc thân) của em trong gia đình.**

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Gia đình em có mấy người, ? em yêu quý ai nhất?
- Ông, bà (hoặc người thân) em hiện đang làm gì, ở đâu?
- Người thân trong gia đình thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó với em ra sao?
- Tình cảm của em với người đó như thế nào? Em làm gì để làm vui lòng người thân yêu của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

III. **Củng cố:** Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. **Dặn dò:** Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Toán

Ôn tập về phép cộng và phép trừ

(Dạy 3 tiết)

A. **Mục tiêu:** Củng cố cho học sinh về phép cộng, phép trừ.

HS hiểu và làm được bài tập.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. **Kiến thức cần ghi nhớ**

Nêu cách tìm thành phần chưa biết trong phép cộng và phép trừ?

- (- Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

b. **HS làm bài tập**

- Yêu cầu HS làm vào vở.

HS làm vào vở.

Tiết 1

Bài 1: Gọi HS lên bảng

HS lên bảng

Điền số thích hợp vào ô trống:

a/ $\square + 15 < 15 + 1$

b/ $18 < \square + 16 < 20$

c/ $10 < \square < \square 13$

Bài 2: Phần b dành cho HSG

-HS giải thích vì sao điền như vậy.

Tính nhanh:

a. $11+28+24+16+12+9$

a. $11+28+24+16+12+9$

$= (11+9) + (28+12) + (24+16)$

$= 20 + 40 + 40 = 100$

b. $75-13-17+25$

b. $75-13-17+25 = (75+25) - (13+17)$

$= 100 - 30 = 70$

Bài 3: Một bến xe có 25 ô tô rời bến, như vậy còn lại 12 ô tô chưa rời bến. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu ô tô trên bến xe đó.

- HS làm bài vào vở.

- Yêu cầu HS đọc bài. Phân tích.

Lúc đầu có số ô tô trên bến xe đó là:

$25 + 12 = 37$ (xe)

Đáp số: 37 xe

Tiết 2:

Bài 4: Điền số thích hợp vào ô trống:

a/ $\square + 72 = 97$

$70 + \square = 96$

$230 = \square + 0$

b/ $85 - \square = 46$

$213 - \square = 42$

$\square - 8 = 72$

Bài 5: Tìm x

a/ $x - 45 = 56$

b/ $123 - x = 22 + 89$

c/ $x + 25 = 100 - 37$

d/ $67 - x = 24$

e/ $18 : x = 9$

g/ $3 \times x = 27$

Bài 6: Thùng thứ nhất đựng 436 lít dầu, thùng thứ hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 47 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu?

Tiết 3

Bài 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

392; 394; 396;... ;... ;... ; 404

155; 150; 145;... ; 135; ... ;...

520; 540; 560;... ;... ;... ; 640.

Bài 8: Đặt tính rồi tính:

a/ $68 + 62$ $57 + 39$

$73 - 26$ $64 - 48$

b/ $543 + 376$ $5 + 865$

$678 - 622$ $497 - 34$

Bài 9: Gói kẹo chanh và gói kẹo dứa có tất cả 235 cái kẹo. Riêng gói kẹo chanh có 120 cái.

Hỏi:

a. Gói kẹo dứa có bao nhiêu cái kẹo?

b. Phải bớt đi ở gói kẹo chanh bao nhiêu cái kẹo để số kẹo ở hai gói bằng nhau?

III. **Củng cố:** Khái quát nội dung bài

IV- **Dẫn dò:**

- Về nhà làm BT 10 : > ; < ; =

$2 \times 5 \dots 5 \times 2$ $40 \times 2 \dots 80 : 2$

$20 \times 4 \dots 79$ $30 \times 2 \dots 20 \times 4$

$60 : 3 \dots 3 \times 7$ $4 \times 10 \dots 5 \times 9$

- Về nhà làm BT 8:Viết số thích hợp vào ô trống:

Số hạng	362	509		34
Số hạng	425		400	634
Tổng		999	1000	

- HS đọc bài – phân tích

- HS làm bài vào vở

Thùng thứ hai đựng số lít dầu là:

$436 + 47 = 483$ (l)

Đáp số: 483 (l)

- HS nêu quy luật của dãy số.

- Điền số cần tìm.

- HS làm vào bảng con.

- Nhận xét bài bạn.

- HS đọc bài, phân tích.

- HS làm bài vào vở.

Tiếng việt

Tiết 1: Kiểm tra

(Đề và đáp án của trường)

Tiếng Việt

Tiết 2: Ôn từ chỉ Đặc điểm

A. Mục tiêu

[Truy cập hoc360.net](http://hoc360.net) để tải tài liệu bài giảng miễn phí

- HS xác định được từ chỉ đặc điểm trong câu văn, đoạn văn.
- Phân biệt từ chỉ đặc điểm về hình dáng với tính nết, phẩm chất.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

+ Hãy kể những từ chỉ đặc điểm?

b. Bài tập vận dụng

Bài 1 -Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu.

- Gọi từng HS lên bảng tìm từ.

Gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong các câu sau:

- Cuộc sống của Bác Hồ rất giản dị.
- Bữa cơm của Bác đạm bạc như bữa cơm của mọi người dân.
- Loài hoa huệ có màu trắng tinh khiết.

Bài 2: Tìm trong các từ sau: hồng hào, bạc phơ, sáng ngời, sáng suốt, ầm áp, tài ba, xếp các từ đó vào dòng thích hợp :

- Từ chỉ đặc điểm hình dáng:.....
- Từ chỉ đặc điểm tính nết, phẩm chất:.....

+ Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu

+ Cho HS làm bài vào vở. HS lên bảng chữa bài

Bài 3: Điền từ chỉ tình cảm thích hợp vào chỗ trống trong mỗi câu sau:

- Các cháu thiếu nhi rất Bác Hồ.
- Bác Hồ rấtcác cháu thiếu nhi.
- Mỗi dịp Tết Trung thu, các cháu thiếu niên và nhi đồng nước ta thường đọc thơ Bác gửi cho các cháu để Bác.

+ Yêu cầu HS đọc bài, nêu yêu cầu

+ HS lên bảng chữa bài.

III. Củng cố: Khái quát- nhận xét giờ.

IV- Dặn dò: Về nhà đặt 3 câu có từ chỉ đặc điểm.

Tiếng Việt

Tiết 3: Tập làm văn: Kể về cô giáo

A. **Mục tiêu**: Củng cố cho học sinh cách kể về cô giáo.

HS hiểu và làm được bài tập.

B. **Bài mới**:

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

1. Giới thiệu – ghi bài
2. Dạy bài mới

Đề bài: **Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) kể về cô giáo của**

em

- 2 hs đọc đề bài

Hỏi: - Bài yêu cầu gì?

- Cô giáo em tên là gì? dạy em lớp mấy?
- Cô giáo em là người như thế nào?
- Cô thể hiện tình cảm yêu thương, gắn bó với em ra sao? Giúp đỡ em và các bạn trong học tập như thế nào?
- Tình cảm của em với cô giáo như thế nào? Em làm gì để làm vui lòng cô giáo của em.

Gọi hs nêu miệng – GV nhận xét sửa chữa, bổ sung kiến thức cho các em.

- HS viết bài vào vở.

III. Củng cố: Khi viết đoạn văn cần chú ý gì?

IV. Dặn dò: Về nhà hoàn chỉnh đoạn văn.

Toán

Ôn tập về phép nhân và phép chia

(Dạy 2 tiết)

A. Mục tiêu: - Củng cố cho học sinh về phép nhân, phép chia.

- HS biết cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và ngược lại.

HS hiểu và làm được bài tập.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

b. Kiến thức cần ghi nhớ

+ Nêu cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân?

+ Nêu cách chuyển phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau?

b. Bài tập vận dụng

Tiết 1

Bài 1: Viết các tổng sau thành tích rồi tính:

a, $2 + 2 + 2 + 2 + 2$

b, $4 + 4 + 4 + 4$

c, $5 + 5 + 5 + 5 + 5$

Bài 2: Viết các tích dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả.

a, 2×6

b, 8×3

c, 7×4

Bài 3: Thay các biểu thức dưới đây thành tổng của các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả.

a, $4 \times 3 + 4$

b, $3 \times 4 + 3$

- HS nêu cách tính.
- 3 HS nêu miệng – GV ghi bảng

- HS nêu cách tính
- 3 HS nêu miệng – GV ghi bảng

- HS nêu cách tính.
- HS làm bài vào vở.

c, $5 \times 2 + 5$

Bài 4: Viết mỗi biểu thức sau đây thành tích của hai thừa số.

a, $4 \times 3 + 4 \times 2$

b, $3 \times 5 + 3 \times 3$

Tiết 2

Bài 5: Không tính kết quả của mỗi biểu thức hãy điền ($>$ $<$ $=$) thích hợp vào chỗ chấm.

a, $4 \times 3 \dots 4 + 4 + 4 + 4$

b, $2 \times 4 \dots 2 + 2 + 2 + 2$

c, $5 \times 4 \dots 5 + 5 + 5$

Bài 6: Tính

a, $3 \times 4 + 16$

b, $5 \times 6 + 42$

c, $4 \times 8 - 17$

Bài 7: Điền số thích hợp vào ô trống

$30 < 4 \times \square < 35$

Bài 8: Viết thêm 3 số vào mỗi dãy số sau.

a, 3, 6, 9, 12,

b, 5, 9, 13, 17,

a, 5, 10, 15, 20,

- (Dành cho HSKG).

- HS lên bảng điền.

- Giải thích vì sao.

- HS làm bài vào vở.

- HS chữa bài.

- HS nêu quy luật của dãy số.

- 3 HS lên bảng điền tiếp. Lớp nhận xét.

III. Củng cố: Khái quát nội dung bài

IV- Dẫn dò: Về nhà làm BT 9: Điền dấu $>$ $<$ $=$ thích hợp vào chỗ chấm

a, $4 \times 5 + 6 \dots 4 \times 6$

b, $5 \times 4 - 6 \dots 5 \times 4$

c, $3 \times 6 + 3 \dots 3 \times 7$

Toán

Tiết 3: Kiểm tra

(Đề và đáp án của trường)

Tiếng Việt

Tiết 1: Luyện chính tả

A. Mục tiêu:- Củng cố cho HS cách viết một bài văn xuôi.

- HS điền BT đúng BT chính tả.

- Rèn chữ viết cho HS.

B. Các hoạt động dạy học

I. Kiểm tra: Kết hợp trong giờ.

II. Bài mới:

a. Kiến thức cần ghi nhớ

Nêu cách viết một bài văn xuôi? (Tiếng đầu dòng lùi vào một ô, viết hoa. Sau mỗi dấu chấm phải viết hoa...)

GV hướng dẫn HS viết.

II. Bài mới:

Bài 1: Học sinh viết bài: Ngôi trường mới.

-GV đọc cho HS theo đôi

+ Dưới mái trường bạn HS cảm thấy có những gì mới?

+ Trong bài ta phải viết hoa những chữ nào? vì sao?

- GV đọc cho HS viết bài. Chú ý nhắc HS viết đúng chữ hoa, đúng CT

Bài 2: Điền vào chỗ trống **ch** hay **tr**

Cây ...úc ...úc mừng ...ở lại che ...ở

Bài 3 : Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống

...âu bọt ...âu kim củ ...ấn ...ấn tay áo

...ình sống ...ình đẹp ...át gạo ...át bên cạnh

III. **Củng cố:** Khái quát, nhận xét bài viết

IV. **Dặn dò:** Về nhà viết bài: Quả măng cụt

Tiếng việt

Tiết 2: LT&C: Ôn tập mẫu câu: Ai làm gì? Ai là gì?

A. Mục tiêu:

-Củng cố cho HS về kiểu câu kể *Ai – làm gì?* và *Ai – là gì?*

- HS phân biệt, đặt câu và hoàn thành một số BT.

B. Các hoạt động dạy học:

I. Kiểm tra

II. Bài mới :

1. Giới thiệu- ghi bài

2. Dạy bài mới

Bài 1) Nối từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo thành câu *Ai – làm gì?*

A
a. Các bạn học sinh tiểu học
b. Đêm ấy, quanh đống lửa bập bùng, các cụ già
c. Bố

B
Làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân.
đang tung tăng tới trường.
Vừa uống rượu vừa trò chuyện vui vẻ.